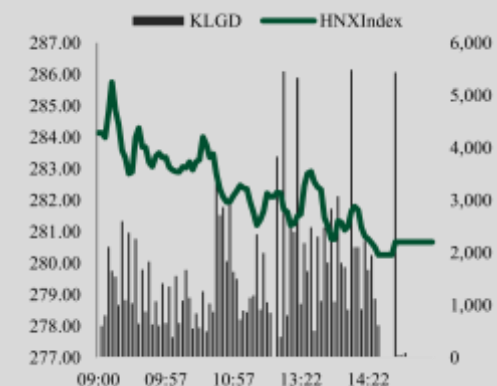
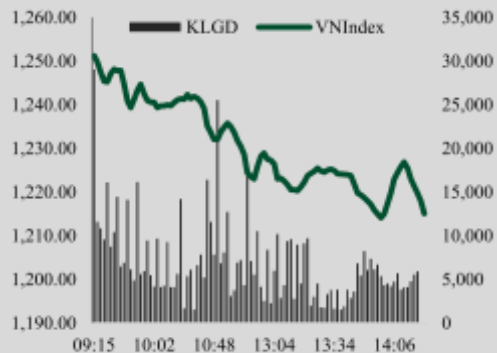


### TIÊU ĐIỂM

VN Index ghi nhận một phiên giảm sâu với lực bán khá mạnh ở nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn bất chấp những thông tin tích cực từ chứng khoán thế giới. Thanh khoản phiên hôm nay vẫn ở mức cao và không thay đổi so với những phiên trước.

Thống kê thị trường	HSX	HNX
Index	1,215.77	280.68
Thay đổi	-2.62%	-1.04%
KLGD (cổ phiếu)	744,944,731	141,826,849
GTGD (tỷ VND)	19,295.66	2,633.78
Số cổ phiếu tăng giá	91	60
Số cổ phiếu đứng giá	27	47
Số cổ phiếu giảm giá	340	169

Sản phẩm phái sinh	Chỉ số	Thay đổi
VN30F1M	1,254.00	-42.70
VN30F2M	1,253.00	-41.90
VN30F1Q	1,260.00	-35.00
VN30F2Q	1,255.00	-29.00



### VN INDEX GIẢM HƠN 30 ĐIỂM, LÙI VỀ GẦN 1.200

- VN Index ghi nhận một phiên giảm sâu với lực bán khá mạnh ở nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn bất chấp những thông tin tích cực từ chứng khoán thế giới. Thanh khoản phiên hôm nay vẫn ở mức cao và không thay đổi so với những phiên trước.
- Thị trường giảm điểm ngay từ đầu phiên và kể từ sau thời điểm 10h15, VN-Index và VN30 đều giảm hơn 2.00% và để mất nhiều ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật quan trọng. Lực bán tăng nhanh đã đẩy nhiều cổ phiếu trong rổ VN30 như VIC, VCB, CTG,... giảm trên 4.00% và khiến VN Index mất hơn 20 điểm khi kết thúc phiên sáng. Sang tới phiên chiều, đà giảm của VN Index được nới rộng lên tới gần 35 điểm, đưa chỉ số về mốc 1,215. Có 23/30 cổ phiếu trong rổ VN30 giảm điểm, khiến thị trường thiếu lực đỡ. Mặc dù lực cầu bắt đáy có xuất hiện, tuy nhiên VN Index vẫn ghi nhận mức giảm 32.76 điểm (-2.62%), và chốt phiên tại mức 1,215.77, trong khi HNX Index dừng tại mức 280.68 (-1.04%). Thanh khoản phiên hôm nay duy trì tương đương phiên trước với tổng giá trị giao dịch trên cả ba sàn đạt khoảng 25,000 tỷ đồng.
- VN Index đã phá vỡ ngưỡng hỗ trợ “mềm” 1,230 điểm và đang có xu hướng kiểm tra lại ngưỡng hỗ trợ “cứng” hơn là 1,200 điểm. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý là chỉ số cho phản ứng hồi phục mạnh ngay khi rơi về mốc 1,215 điểm, cho thấy đây là ngưỡng hỗ trợ tương đối “cứng” trong ngắn hạn

#### Khuyến nghị

- Theo đó, trong bối cảnh thị trường vẫn đang biến động khá mạnh như hiện tại, nhà đầu tư nên tạm thời hạ tỷ trọng đòn bẩy tài chính và chú ý theo dõi sát các diễn biến trên thị trường trong những phiên tới để có thể kịp thời chốt lời hoặc cắt lỗ nếu xu hướng thị trường đi ngược lại kỳ vọng.
- *Tham khảo thêm top 10 doanh nghiệp có lợi nhuận sau thuế tăng trưởng trong Q1.2021 so với cùng kỳ năm ngoái trong phần Thống kê thị trường của báo cáo này.*

#### Đánh giá triển vọng thị trường

Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn
TÍCH CỰC	TÍCH CỰC	TÍCH CỰC

### Một số tin tức đáng chú ý

- **Ứng phó Covid hiệu quả, ông Biden đạt tỷ lệ ủng hộ hơn 50%.** Tổng thống Mỹ Joe Biden đang giữ tỷ lệ ủng hộ trên 50%, theo kết quả các cuộc khảo sát công bố ngày 25/4, vào thời điểm nhà lãnh đạo gần hoàn tất 100 ngày cầm quyền đầu tiên. Mức ủng hộ cao mà cử tri Mỹ dành cho ông Biden chủ yếu nhờ cách ứng phó của ông với đại dịch Covid-19.
- **Giá xăng ngày mai có thể tăng.** Dữ liệu cập nhật của Bộ Công Thương đến ngày 22/4 cho thấy, bình quân giá xăng thành phẩm trên thị trường Singapore 15 ngày qua nhích tăng khoảng 3-4% so với chu kỳ trước đó. Giá mỗi thùng xăng RON 92 (loại để pha chế xăng E5 RON 92) ở mức 72,46 USD, tăng hơn 2 USD so với thời điểm 12/4. Tương tự, xăng RON 95 bình quân 74,82 USD một thùng, tăng 2,06 USD mỗi thùng so với kỳ trước.

### Các danh mục cổ phiếu đầu tư tham khảo

- [Danh mục cổ phiếu đầu tư ngắn hạn](#)
- [Danh mục cổ phiếu đầu tư tăng trưởng dài hạn](#)
- [Danh mục cổ phiếu đầu tư theo cổ tức](#)

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

MÃ	NGÀY KHUYẾN NGHỊ	TRẠNG THÁI	NGÀY MUA	VÙNG MUA KHUYẾN NGHỊ	GIÁ HIỆN TẠI	NGUỖNG CẮT LỖ	NGUỖNG CHỐT LỜI	ƯỚC TÍNH % LÃI/LỖ	GHI CHÚ
AGG	29/03/2021	Đang nắm giữ	30/03/2021	39.50 – 40.00	<b>44.00</b>	37.75	45.75	10.69%	Cổ phiếu vẫn đang nắm trong xu hướng đi lên đi kèm thanh khoản cao
HDB	6/4/2021	Đang nắm giữ	07/04/2021	27.00 – 27.50	<b>26.50</b>	25.85	31.35	-2.75%	Cổ phiếu nhận được sự chú ý của dòng tiền, đi cùng các thông tin hỗ trợ tích cực về kế hoạch cổ tức và kết quả kinh doanh

**DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DÀI HẠN**

MÃ	GIÁ ĐIỀU CHỈNH TẠI NGÀY KHUYẾN NGHỊ	GIÁ MỤC TIÊU	GIÁ ĐÓNG CỬA HIỆN TẠI	% ƯỚC TÍNH LÃI/LỖ	ROA %	ROE %	EPS 2020 (x1000 VND)	P/E	P/B
ACB	31.10	36.70	33.30	7.07%	2.06	25.63	3.51	8.34	1.90
CTG	37.90	42.05	39.70	4.75%	1.06	16.95	3.68	10.79	1.74
DGC	59.50	82.40	68.50	15.13%	18.30	24.60	5.73	10.82	2.46
DXG	23.85	28.20	22.55	-5.45%	-0.14	-0.47	-0.96	-	1.75
GMD	32.20	41.00	33.00	2.48%	3.72	5.80	1.15	28.73	1.69
HPG	47.15	62.40	55.10	16.86%	11.53	25.21	3.85	13.57	3.09
NKG	23.15	26.40	24.75	6.91%	6.34	17.46	1.67	7.45	1.22
PET	21.80	29.30	19.65	-9.86%	2.43	8.72	1.53	10.67	1.06
PGV	18.30	24.70	16.90	-7.65%	2.40	13.03	1.67	10.13	1.24
TPB	26.90	33.10	27.15	0.93%	1.95	24.13	3.40	7.13	1.56
TV2	59.70	87.70	53.40	-10.55%	9.25	24.99	7.28	7.33	1.65

**DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ THEO CỔ TỨC**

MÃ	GIÁ ĐÓNG CỬA PHIÊN HÔM NAY	TỈ LỆ CỔ TỨC TIỀN MẶT/MỆNH GIÁ NĂM 2020	TỈ LỆ CỔ TỨC TIỀN MẶT 2020 / GIÁ HIỆN TẠI	ROA %	ROE %	EPS 2020 (x1000 VND)	P/E	P/B	GHI CHÚ
DVP	46.70	25.00%	5.35%	17.77	19.37	5.94	7.61	1.46	
FOC	111.50	200.00%	17.94%	18.98	24.16	9.99	11.16	2.52	
GHC	30.40	27.00%	8.88%	7.85	18.68	4.14	7.34	1.53	
HLD	30.50	10.00%	3.28%	11.07	16.61	3.71	8.41	1.40	
LHG	36.90	15.00%	4.07%	8.22	16.06	3.66	10.98	1.44	*: Ước tính cho năm 2020
NCT	71.00	75.00%	10.56%	38.02	44.77	7.49	9.11	4.54	
NT2	20.40	25.00%	12.25%	7.76	12.79	2.10	10.90	1.42	
RAL	226.00	50.00%	2.21%	9.77	35.22	29.23	7.11	2.28	
PPC	27.15	20.00%	7.37%	14.93	16.48	3.15	8.58	1.40	
VEA	41.00	35.00%	8.54%	18.35	21.41	4.17	9.84	2.17	*: Ước tính cho năm 2020
VNM	96.00	30.00%	3.13%	23.83	33.90	4.77	20.13	6.41	

## GÓC NHÌN KỸ THUẬT

### VN Index



Đường giá dao động phía trên đường MA200 xóa đi khả năng chỉ số có thể giảm sâu trong những phiên tới. Tuy nhiên cần chờ đợi đường giá bứt phá lên trên đường MA10 ngày để có xu hướng tăng rõ ràng hơn. Do đó, chúng tôi thiên về kịch bản chỉ số sẽ tích lũy đi ngang trong tuần này. Ngưỡng kháng cự tại 1,275 – 1,280, ngưỡng hỗ trợ tại 1,150 – 1,160.

### Cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

STT	MÃ KHUYẾN NGHỊ	GIÁ MUA	NHẬN ĐỊNH
1	VPB	52.40	Bứt phá khỏi vùng tích lũy với khối lượng lớn Dùng lỗ: 50.50 Chốt lời: 58.00



## THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

### TOP 5 CP LÀM TĂNG CHỈ SỐ

#### HOSE

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
NVL	114,400	6.92	1.943	2.56MLN
VPB	53,000	3.92	1.308	18.07MLN
PDR	74,200	5.58	0.455	5.04MLN
SSB	26,800	2.68	0.225	578,000
LPB	20,700	2.99	0.172	15.80MLN

#### HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
THD	186,500	0.38	0.264	1.12MLN
BAB	26,700	0.75	0.204	26,100
SHB	27,100	0.37	0.201	21.03MLN
HHC	88,800	9.77	0.103	500
S99	23,400	3.54	0.051	1.41MLN

### TOP 5 CP LÀM GIẢM CHỈ SỐ

#### HOSE

Mã	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
VIC	131,500	-4.92	-6.123	2.43MLN
VCB	98,600	-5.19	-5.332	3.60MLN
VHM	99,600	-5.14	-4.815	8.98MLN
GAS	81,500	-5.23	-2.293	1.07MLN
VNM	96,000	-3.52	-1.947	5.05MLN

#### HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
PVS	19,400	-8.49	-0.618	11.42MLN
VND	34,800	-4.13	-0.356	4.54MLN
SHS	27,000	-4.59	-0.348	5.70MLN
IDC	32,800	-3.81	-0.280	1.56MLN
CEO	9,500	-6.86	-0.155	3.77MLN

### TOP 5 CP TĂNG GIÁ MẠNH NHẤT ĐI CÙNG KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

#### HOSE

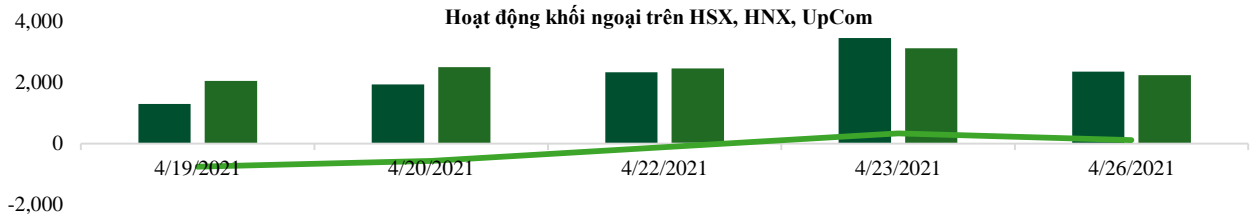
Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
DLG	960.78	3,210	24,953,700	7.00
HAG	4,943.04	5,330	23,731,600	5.75
APH	10,321.18	52,900	1,493,500	3.93
MSH	2,510.47	50,200	74,800	3.72
ADS	407.01	14,500	312,200	3.57

#### HNX

Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
HTP	1,781.02	19,400	77,700	9.60
TTH	130.81	3,500	1,583,200	9.38
HLD	610.00	30,500	222,400	3.74
PGN	117.61	17,300	111,100	2.98
DNM	175.10	40,000	273,400	2.56

### TOP 10 DOANH NGHIỆP CÓ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TĂNG TRƯỞNG SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Giá đóng cửa (x1000 VND)	KLGD (cổ phiếu)	LNST Q1.2020 (Tỷ VND)	LNST Q1.2021 (Tỷ VND)	% thay đổi LNST (yoy)
1	VPG	31.75	962,800	0.33	138.49	42111.00%
2	VC3	21.90	80,100	0.38	13.95	3608.00%
3	HAX	23.80	654,600	3.15	55.56	1664.00%
4	SMC	30.20	763,800	14.48	215.62	1389.00%
5	TVC	13.70	1,841,900	9.45	123.34	1205.00%
6	NKG	24.75	3,515,100	41.49	318.79	668.00%
7	DXG	22.55	8,605,800	93.69	711.79	660.00%
8	MBS	23.10	1,171,600	26.42	99.97	278.00%
9	HCM	30.10	3,041,100	100.98	321.81	219.00%
10	NLG	35.00	2,089,500	116.97	366.31	213.00%



## TOP 5 CP MUA RÒNG CỦA NĐTNN

### HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
FUEVFVND	21,050	396,802.93	39,568.56	357,234.37
NVL	114,400	126,282.52	28,143.63	98,138.89
PDR	74,200	75,000.08	20,182.13	54,817.95
VHM	99,600	138,445.17	90,119.82	48,325.35
MBB	29,600	47,703.49	14,747.96	32,955.53

## TOP 5 CP BÁN RÒNG CỦA NĐTNN

### HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VPB	53,000	13,082.73	282,944.11	269,861.38
VRE	31,150	84,072.37	145,588.96	61,516.59
CTG	39,700	8,994.21	67,822.93	58,828.72
VNM	96,000	254,498.43	294,769.85	40,271.41
BID	40,500	488.53	35,926.33	35,437.81

### HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
THD	186,500	34,276.18	-	34,276.18
BAX	76,000	697.78	-	697.78
SHS	27,000	372.19	-	372.19
LHC	80,000	360.79	7.33	353.46
GKM	14,200	268.50	-	268.50

### HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VND	34,800	1,876.57	4,568.97	2,692.40
SD4	5,400	-	668.82	668.82
OCH	10,400	-	503.20	503.20
BVS	20,300	-	439.69	439.69
SDC	9,200	-	290.49	290.49

### UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
ACV	72,600	21,069.38	8,535.52	12,533.86
MCH	106,000	2,347.11	-	2,347.11
QNS	39,500	1,199.70	-	1,199.70
SIP	166,000	1,079.00	-	1,079.00
HPP	53,300	530.71	37.18	493.53

### UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VTP	81,000	6,711.34	12,268.13	5,556.79
VEA	41,000	12.27	4,444.97	4,432.70
VGI	34,000	185.38	2,731.55	2,546.17
MSR	19,400	-	589.65	589.65
SNZ	29,500	-	412.20	412.20

## ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

**Trần Minh Hoàng**

Trưởng phòng Phân tích & Nghiên cứu

[tmhoang@vcbs.com.vn](mailto:tmhoang@vcbs.com.vn)

**Mai Ngọc Kha**

Trưởng bộ phận Phát triển khách hàng

[mnkha@vcbs.com.vn](mailto:mnkha@vcbs.com.vn)

**Nguyễn Hoàng Minh**

Chiến lược gia thị trường

[nhminh@vcbs.com.vn](mailto:nhminh@vcbs.com.vn)

**Hoàng Tùng Vũ**

Chuyên viên phân tích thị trường

[htvu@vcbs.com.vn](mailto:htvu@vcbs.com.vn)